

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Hà Nội, tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 4 |
| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG | 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 7 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ | 8 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 9 - 13 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

| | |
|-----------------------|--------------|
| Ông Tommy Tan | Chủ tịch |
| Ông Lê Tiến Nam | Phó Chủ tịch |
| Ông Ravi Chidambaram | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hoàng Thái | Thành viên |
| Ông Đặng Quốc Hùng | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|--------------------|---------------|
| Ông Đặng Quốc Hùng | Tổng Giám đốc |
|--------------------|---------------|

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đặng Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban giám đốc
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán Việt Nam (“gọi tắt là Công ty”) được lập ngày 12/08/2019 và được trình bày từ trang 04 đến trang 13 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam tại ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận ĐKHNKT 0308-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 14.970.391.936 | 15.274.993.965 |
| I. Tài sản tài chính | 110 | | 14.673.624.870 | 14.985.986.832 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 111 | | 14.670.735.310 | 14.985.539.272 |
| 1.1. Tiền | 111.1 | 5 | 14.670.735.310 | 14.985.539.272 |
| 2. Trả trước cho người bán | 118 | | 2.442.000 | - |
| 3. Các khoản phải thu khác | 122 | | 447.560 | 447.560 |
| II. Tài sản ngắn hạn khác | 130 | | 296.767.066 | 289.007.133 |
| 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 135 | | 26.176.627 | 18.416.694 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 136 | | 270.590.439 | 270.590.439 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 119.373.069 | 137.420.139 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 103.414.469 | 122.323.559 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 6 | 103.414.469 | 122.323.559 |
| - Nguyên giá | 222 | | 189.090.909 | 189.090.909 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223a | | (85.676.440) | (66.767.350) |
| II. Tài sản dài hạn khác | 250 | | 15.958.600 | 15.096.580 |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 251 | | 11.250.000 | 11.250.000 |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn | 252 | | 4.708.600 | 3.846.580 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 15.089.765.005 | 15.412.414.104 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 35.464.250 | 42.642.100 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 35.464.250 | 42.642.100 |
| 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 322 | 7 | 464.250 | 2.642.100 |
| 2. Chi phí phải trả ngắn hạn | 325 | | 35.000.000 | 40.000.000 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 15.054.300.755 | 15.369.772.004 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 8 | 15.054.300.755 | 15.369.772.004 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 20.879.456.000 | 20.879.456.000 |
| 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411.1 | | 20.823.458.000 | 20.823.458.000 |
| 1.2. Vốn khác của chủ sở hữu | 411.4 | | 55.998.000 | 55.998.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | | (5.825.155.245) | (5.509.683.996) |
| 2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | 417.1 | | (5.825.155.245) | (5.509.683.996) |
| 2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 417.2 | | - | - |
| TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 440 | | 15.089.765.005 | 15.412.414.104 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

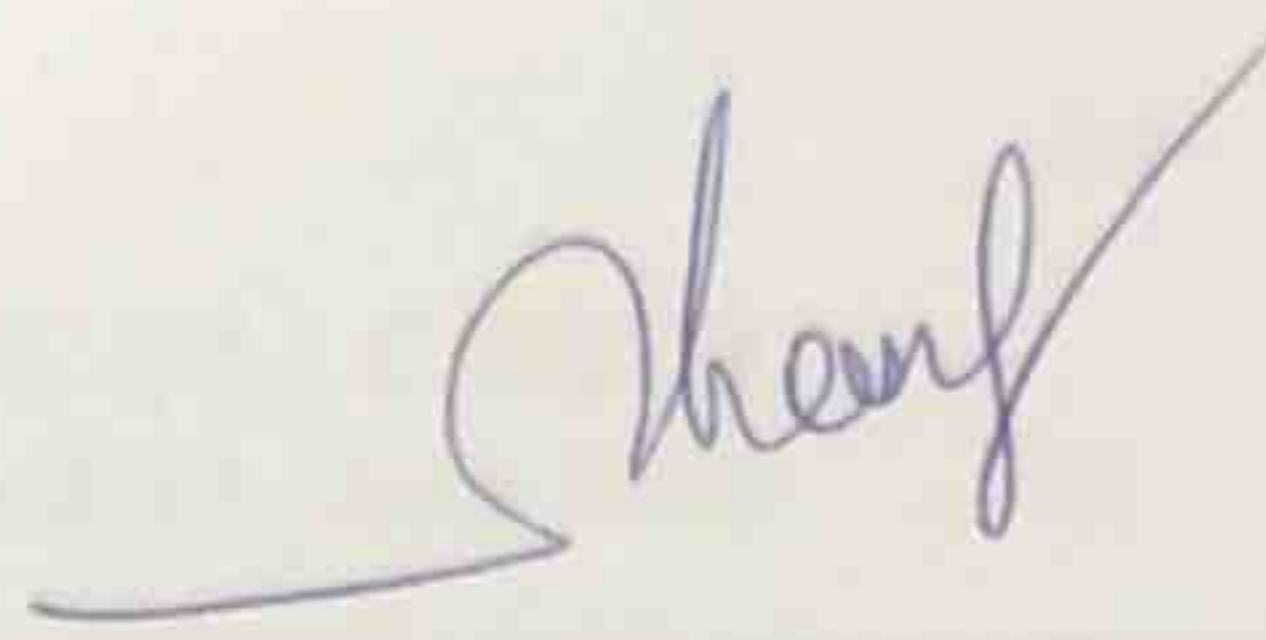
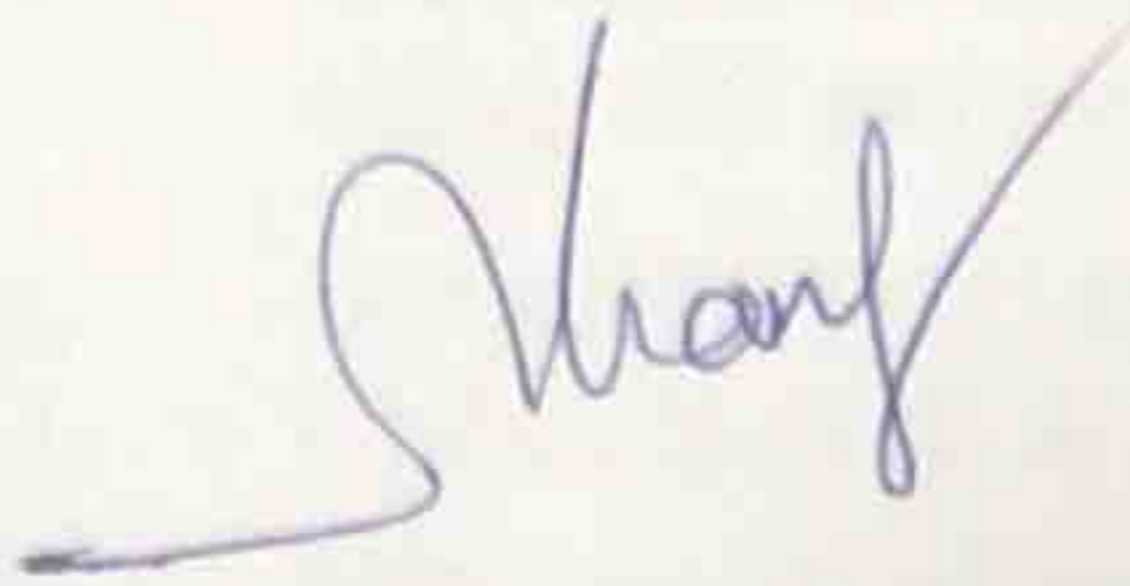
| CHỈ TIÊU | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|---|------------|------------|
| A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | |
| 1. Ngoại tệ các loại | | |
| - USD | 449,74 | 462,94 |

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh

Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B02a - CTCK

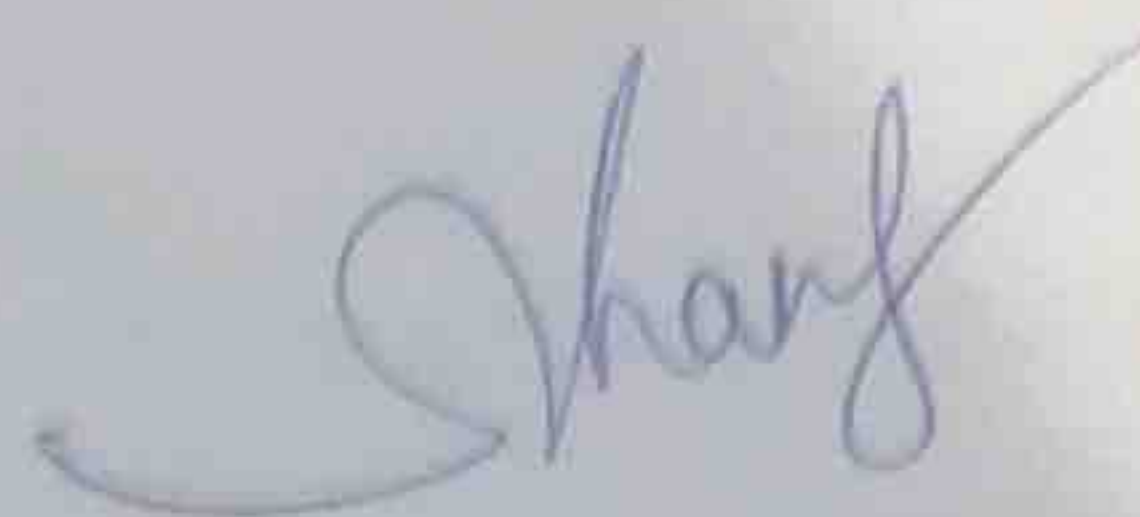
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ so sánh |
|---|-------|-------------|---------------|---------------|
| I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | | |
| Cộng doanh thu hoạt động | 20 | | - | - |
| II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | |
| Cộng chi phí hoạt động | 40 | | - | - |
| III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 41 | | 34.695 | 145.119 |
| 3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định | 42 | | 313.073 | 20.176.041 |
| Cộng doanh thu hoạt động tài chính | 50 | | 347.768 | 20.321.160 |
| IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | | |
| Cộng chi phí tài chính | 60 | | - | - |
| V. CHI PHÍ BÁN HÀNG | 61 | | - | - |
| VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN | 62 | 9 | 315.819.017 | 384.274.665 |
| VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 70 | | (315.471.249) | (363.953.505) |
| VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | | |
| Cộng kết quả hoạt động khác | 80 | | - | - |
| IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | 90 | | (315.471.249) | (363.953.505) |
| 9.1. Lợi nhuận đã thực hiện | 91 | | (315.471.249) | (363.953.505) |
| 9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 92 | | - | - |
| X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP | 100 | | - | - |
| XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | 200 | | (315.471.249) | (363.953.505) |

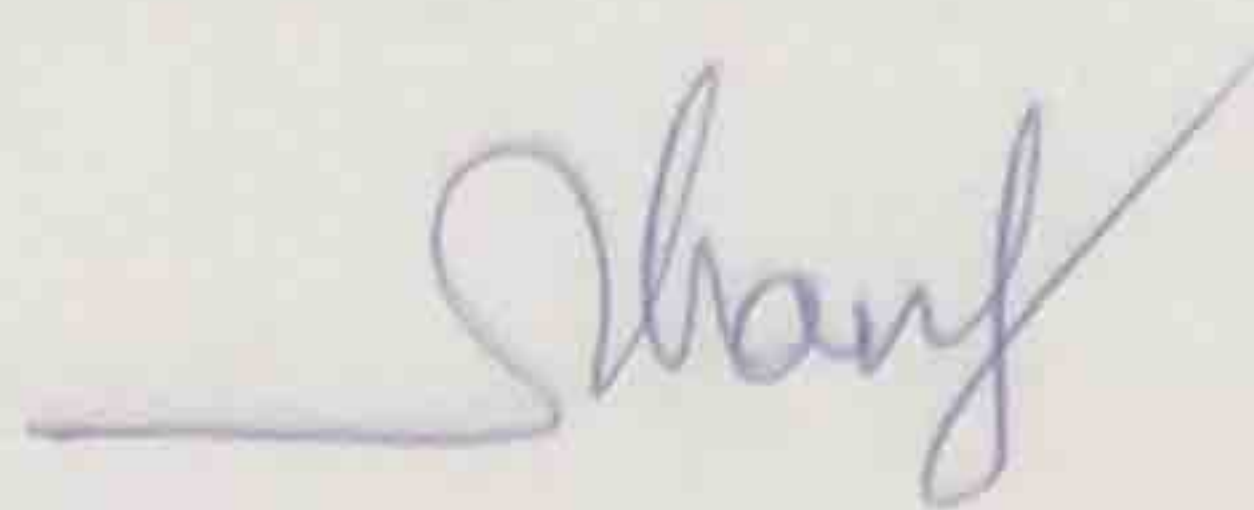
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Phụ trách kế toán



Phạm Tuyết Thanh



Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2019 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | 30/06/2019 |
|---------------------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (270.590.439) | - | - | (270.590.439) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.642.100 | 1.058.175 | 3.236.025 | 464.250 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | (267.948.339) | 4.058.175 | 6.236.025 | (270.126.189) |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 2.642.100 | | | 464.250 |
| - Thuế và các khoản phải thu nhà nước | 270.590.439 | | | 270.590.439 |

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế | Cộng |
|---------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2018 | 10.823.458.000 | 55.998.000 | (4.767.795.616) | 6.111.660.384 |
| Tăng vốn trong năm | 10.000.000.000 | - | - | 10.000.000.000 |
| Lỗi trong năm | - | - | (741.888.380) | (741.888.380) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 20.823.458.000 | 55.998.000 | (5.509.683.996) | 15.369.772.004 |
| Lãi trong kỳ | - | - | (315.471.249) | (315.471.249) |
| Tại ngày 30/06/2019 | 20.823.458.000 | 55.998.000 | (5.825.155.245) | 15.054.300.755 |

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tại ngày 30/06/2019 | | Tại ngày 01/01/2019 | |
|-------------------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| | VND | % | VND | % |
| Ông Đặng Quốc Hùng | 4.164.691.600 | 20,00% | 4.164.691.600 | 20,00% |
| Ông Nguyễn Hoàng Thái | 7.244.826.400 | 34,79% | 7.244.826.400 | 34,79% |
| Công ty TC Capital Advisory Limited | 9.413.940.000 | 45,21% | 9.413.940.000 | 45,21% |
| Cộng | 20.823.458.000 | 100% | 20.823.458.000 | 100% |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MÃU SỐ B04a - CTCK
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Số dư đầu kỳ | | Số tăng/giảm | | Số dư cuối kỳ | |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------------|--------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| | Tại 01/01/2018 | Tại 01/01/2019 | Tăng | Giảm | Tại 30/06/2018 | Tại 30/06/2019 |
| | | | | | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 10.879.456.000 | 20.879.456.000 | - | - | 10.879.456.000 | 20.879.456.000 |
| 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu | 10.823.458.000 | 20.823.458.000 | - | - | 10.823.458.000 | 20.823.458.000 |
| 1.2. Vốn khác của chủ sở hữu | 55.998.000 | 55.998.000 | - | - | 55.998.000 | 55.998.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối | (4.767.795.616) | (5.509.683.996) | - | 363.953.505 | (5.131.749.121) | (5.825.155.245) |
| 2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | (4.767.795.616) | (5.509.683.996) | - | 363.953.505 | (5.131.749.121) | (5.825.155.245) |
| 2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | - | - | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 6.111.660.384 | 15.369.772.004 | - | 363.953.505 | 5.747.706.879 | 15.054.300.755 |

Người lập

Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh

Kế toán trưởng

Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019



Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 14.970.391.936 | 15.274.993.965 |
| I. Tài sản tài chính | 110 | | 14.673.624.870 | 14.985.986.832 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 111 | | 14.670.735.310 | 14.985.539.272 |
| 1.1. Tiền | 111.1 | 5 | 14.670.735.310 | 14.985.539.272 |
| 2. Trả trước cho người bán | 118 | | 2.442.000 | - |
| 3. Các khoản phải thu khác | 122 | | 447.560 | 447.560 |
| II. Tài sản ngắn hạn khác | 130 | | 296.767.066 | 289.007.133 |
| 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 135 | | 26.176.627 | 18.416.694 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 136 | | 270.590.439 | 270.590.439 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 119.373.069 | 137.420.139 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 103.414.469 | 122.323.559 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 6 | 103.414.469 | 122.323.559 |
| - Nguyên giá | 222 | | 189.090.909 | 189.090.909 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223a | | (85.676.440) | (66.767.350) |
| II. Tài sản dài hạn khác | 250 | | 15.958.600 | 15.096.580 |
| 1. Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 251 | | 11.250.000 | 11.250.000 |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn | 252 | | 4.708.600 | 3.846.580 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 15.089.765.005 | 15.412.414.104 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 35.464.250 | 42.642.100 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 35.464.250 | 42.642.100 |
| 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 322 | 7 | 464.250 | 2.642.100 |
| 2. Chi phí phải trả ngắn hạn | 325 | | 35.000.000 | 40.000.000 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 15.054.300.755 | 15.369.772.004 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 8 | 15.054.300.755 | 15.369.772.004 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 20.879.456.000 | 20.879.456.000 |
| 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411.1 | | 20.823.458.000 | 20.823.458.000 |
| 1.2. Vốn khác của chủ sở hữu | 411.4 | | 55.998.000 | 55.998.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | | (5.825.155.245) | (5.509.683.996) |
| 2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | 417.1 | | (5.825.155.245) | (5.509.683.996) |
| 2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 417.2 | | - | - |
| TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 440 | | 15.089.765.005 | 15.412.414.104 |

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

| | Năm |
|--------------------------|---------|
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

| | <u>30/06/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 4.650.740.963 | 5.120.681.726 |
| Tiền gửi ngân hàng | 10.019.994.347 | 9.864.857.546 |
| Cộng | <u>14.670.735.310</u> | <u>14.985.539.272</u> |

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | <u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u> | <u>Tổng</u> |
|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 189.090.909 | 189.090.909 |
| Tại ngày 30/06/2019 | <u>189.090.909</u> | <u>189.090.909</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 66.767.350 | 66.767.350 |
| Khấu hao trong kỳ | 18.909.090 | 18.909.090 |
| Tại ngày 30/06/2019 | <u>85.676.440</u> | <u>85.676.440</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | <u>122.323.559</u> | <u>122.323.559</u> |
| Tại ngày 30/06/2019 | <u>103.414.469</u> | <u>103.414.469</u> |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2019 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | 30/06/2019 |
|---------------------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (270.590.439) | - | - | (270.590.439) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.642.100 | 1.058.175 | 3.236.025 | 464.250 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | (267.948.339) | 4.058.175 | 6.236.025 | (270.126.189) |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 2.642.100 | | | 464.250 |
| - Thuế và các khoản phải thu nhà nước | 270.590.439 | | | 270.590.439 |

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế | Cộng |
|---------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2018 | 10.823.458.000 | 55.998.000 | (4.767.795.616) | 6.111.660.384 |
| Tăng vốn trong năm | 10.000.000.000 | - | - | 10.000.000.000 |
| Lỗi trong năm | - | - | (741.888.380) | (741.888.380) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 20.823.458.000 | 55.998.000 | (5.509.683.996) | 15.369.772.004 |
| Lãi trong kỳ | - | - | (315.471.249) | (315.471.249) |
| Tại ngày 30/06/2019 | 20.823.458.000 | 55.998.000 | (5.825.155.245) | 15.054.300.755 |

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tại ngày 30/06/2019 | | Tại ngày 01/01/2019 | |
|-------------------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|
| | Giá trị VND | Tỷ lệ % | Giá trị VND | Tỷ lệ % |
| Ông Đặng Quốc Hùng | 4.164.691.600 | 20,00% | 4.164.691.600 | 20,00% |
| Ông Nguyễn Hoàng Thái | 7.244.826.400 | 34,79% | 7.244.826.400 | 34,79% |
| Công ty TC Capital Advisory Limited | 9.413.940.000 | 45,21% | 9.413.940.000 | 45,21% |
| Cộng | 20.823.458.000 | 100% | 20.823.458.000 | 100% |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 14.970.391.936 | 15.274.993.965 |
| I. Tài sản tài chính | 110 | | 14.673.624.870 | 14.985.986.832 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 111 | | 14.670.735.310 | 14.985.539.272 |
| 1.1. Tiền | 111.1 | 5 | 14.670.735.310 | 14.985.539.272 |
| 2. Trả trước cho người bán | 118 | | 2.442.000 | - |
| 3. Các khoản phải thu khác | 122 | | 447.560 | 447.560 |
| II. Tài sản ngắn hạn khác | 130 | | 296.767.066 | 289.007.133 |
| 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 135 | | 26.176.627 | 18.416.694 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 136 | | 270.590.439 | 270.590.439 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 119.373.069 | 137.420.139 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 103.414.469 | 122.323.559 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 6 | 103.414.469 | 122.323.559 |
| - Nguyên giá | 222 | | 189.090.909 | 189.090.909 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223a | | (85.676.440) | (66.767.350) |
| II. Tài sản dài hạn khác | 250 | | 15.958.600 | 15.096.580 |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 251 | | 11.250.000 | 11.250.000 |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn | 252 | | 4.708.600 | 3.846.580 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 15.089.765.005 | 15.412.414.104 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 35.464.250 | 42.642.100 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 35.464.250 | 42.642.100 |
| 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 322 | 7 | 464.250 | 2.642.100 |
| 2. Chi phí phải trả ngắn hạn | 325 | | 35.000.000 | 40.000.000 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 15.054.300.755 | 15.369.772.004 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 8 | 15.054.300.755 | 15.369.772.004 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 20.879.456.000 | 20.879.456.000 |
| 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411.1 | | 20.823.458.000 | 20.823.458.000 |
| 1.2. Vốn khác của chủ sở hữu | 411.4 | | 55.998.000 | 55.998.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | | (5.825.155.245) | (5.509.683.996) |
| 2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | 417.1 | | (5.825.155.245) | (5.509.683.996) |
| 2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 417.2 | | - | - |
| TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 440 | | 15.089.765.005 | 15.412.414.104 |